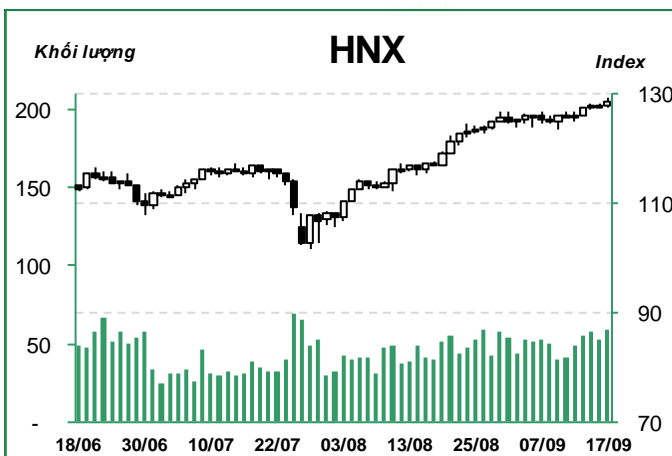
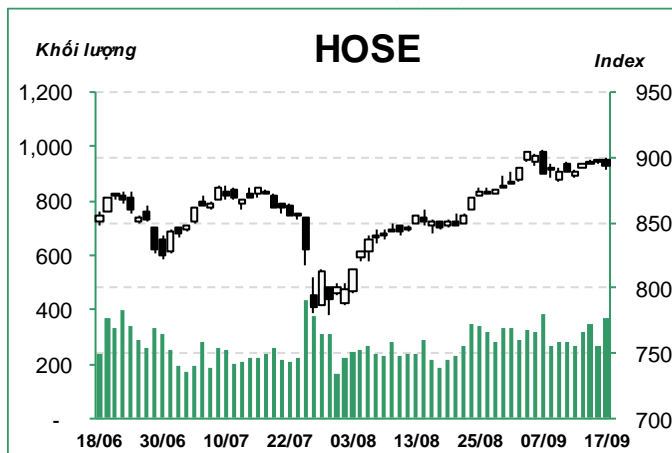


## Tổng quan thị trường

17/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>894.04</b>	<b>-0.38%</b>	<b>831.84</b>	<b>-0.32%</b>	<b>128.47</b>	<b>0.47%</b>
Cuối tuần trước	888.97	0.57%	825.56	0.76%	126.21	1.80%
Trung bình 20 ngày	888.71	0.60%	824.59	0.88%	125.90	2.04%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>395.45</b>	<b>36.16%</b>	<b>107.73</b>	<b>73.37%</b>	<b>61.49</b>	<b>-3.91%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>371.11</b>	<b>41.18%</b>	<b>96.61</b>	<b>78.53%</b>	<b>58.38</b>	<b>10.11%</b>
Trung bình 20 ngày	312.35	18.81%	85.23	13.35%	51.17	14.08%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>6,544.27</b>	<b>29.59%</b>	<b>2,913.86</b>	<b>55.93%</b>	<b>770.55</b>	<b>-9.06%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>5,882.20</b>	<b>33.71%</b>	<b>2,561.07</b>	<b>61.41%</b>	<b>702.39</b>	<b>34.73%</b>
Trung bình 20 ngày	5,397.62	8.98%	2,437.16	5.08%	583.45	20.39%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	158	34%	7	23%	75	21%
<b>Số mã giảm</b>	236	51%	21	70%	78	22%
<b>Số mã đứng giá</b>	66	14%	2	7%	203	57%



Thị trường rung lắc dữ dội trong ngày đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 9. Áp lực bán tháo của các cổ phiếu trụ trong nhóm VN30 kéo chỉ số lao dốc vào phiên chiều. Thị trường có thể tiếp tục có biến động mạnh vào phiên ngày mai khi hoạt động cơ cấu của 2 quỹ ETF diễn ra.

Trên sàn HoSE, VN-Index chấm dứt chuỗi 4 phiên tăng điểm liên tiếp và đóng cửa tại mức 894.04 điểm (-0.38%). Áp lực bán mạnh khiến thanh khoản thị trường tăng đáng kể. KLGD khớp lệnh đạt 371.1 triệu cổ phiếu (+41.2%), tương đương 5,882 tỷ đồng giá trị (+33.7%). Độ rộng thị trường cũng nghiêng hoàn toàn về bên bán với 236 mã giảm so với 158 mã tăng.

Sắc đỏ bắt đầu từ các cổ phiếu trụ sau đó lan tỏa đến nhiều nhóm ngành. Với Vingroup có tác động tiêu cực nhất trong phiên hôm nay khi Vingroup-VIC (-1.6%), Vinhomes-VHM (-0.6%), Vincom Retail-VRE (-2.1%) chịu áp lực bán mạnh. Trong khi đó, một số nhóm ngành có xu hướng tăng trong những phiên gần đây như BĐS, dầu khí, chứng khoán bắt đầu có diễn biến trái chiều ở nhiều cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, Hòa Phát-HPG (+2.8%) là cổ phiếu trụ tiêu biểu nhất khi tăng điểm khá tốt kèm thanh khoản cao hỗ trợ giúp chỉ số không giảm điểm sâu.

Khối ngoại bán ròng 150.2 tỷ đồng (-8.6%) trên sàn HoSE. Trong đó, Vinhomes-VHM (-56.6 tỷ), BIDV-BID (-46.7 tỷ), Vinamilk-VNM (-24.4 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ngược lại, Vingroup-VIC (+48.8 tỷ), Chứng khoán SSI-

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
TCB	5,000.0	114.25
VPB	2,100.0	46.20
GEG	2,436.7	42.64
VCB	517.3	42.64
PDR	826.8	31.11
NVL	390.0	24.18
VHM	303.4	23.37
KDH	900.0	21.87
BID	527.9	21.40
PNJ	300.0	18.30
<b>HNX</b>		
IDC	2,000.0	48.00
ACB	398.3	9.28
VC3	412.6	6.89
SHS	215.0	2.30
PVI	31.4	0.95
RCL	50.0	0.74

SSI (+25.5 tỷ), Vietcombank-VCB (+24.0 tỷ) được khối này tập trung mua vào.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đóng cửa xanh nhẹ tại mức 128.47 điểm (+0.47%). KLGD khớp lệnh đạt 58.4 triệu cổ phiếu (+10.1%), tương đương 702.4 tỷ đồng giá trị (+34.7%).

Góp phần vào đà tăng của HNX-Index hôm nay là nhóm ngân hàng với Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.4%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%) có diễn biến tích cực. Ở chiều ngược lại, Khách sạn Đại Dương-OCH (-10.0%), Vicostone-VCS (-0.9%), Idico-IDC (-0.8%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại gia tăng áp lực bán trên sàn HNX khi giá trị bán ròng hôm nay đạt 22.8 tỷ đồng (+1,056.8%). Với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-16.0 tỷ), Vicostone-VCS (-4.7 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-1.2 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất. Trong khi đó, Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.4 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.3 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.2 tỷ) là những cổ phiếu được khối ngoại mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng lên mức trên bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực chốt lời có phần mạnh lên. Không những vậy, chỉ số đã không thể giữ được trên MA5, cùng với MACD có tín hiệu cắt xuống Signal, cho thấy tín hiệu bán đang quay trở lại và áp lực điều chỉnh đang gia tăng. Tuy nhiên, chỉ số vẫn giữ trên MA20, kèm theo đường ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi. Do đó, phiên giảm vừa qua có thể chỉ là một nhịp rung lắc kỹ thuật với hỗ trợ quanh vùng 880 - 883 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA20 với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 134.4 (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường vẫn đang trong nhịp rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi được bền vững hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên điều chỉnh để tái cơ cấu lại danh mục của mình hợp lý hơn.

## Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LSS	5.9	638.5	7.0%
BCG	7.9	2,803.4	6.9%
SFG	6.8	172.6	6.9%
HOT	44.5	0.0	6.8%
TRC	34.5	5.5	6.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
OGC	6.2	3,009.7	-6.9%
THI	35.9	0.0	-6.9%
DTL	8.6	0.0	-6.8%
DTT	10.3	0.0	-6.8%
KPF	13.9	1.1	-6.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.4	675.3	2.8%
HSG	13.5	232.9	-2.5%
GEX	24.4	230.8	-2.4%
VNM	124.5	171.7	0.2%
VHM	76.7	139.1	-0.7%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	25.4	26,759.5	2.8%
ITA	4.6	24,122.1	4.3%
HSG	13.5	17,095.8	-2.5%
STB	11.5	11,363.4	-0.9%
ASM	8.4	11,267.6	4.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.9	691.6	12.5%
QTC	19.8	0.1	10.0%
QNC	7.7	131.4	10.0%
NBW	21.1	0.1	9.9%
ADC	17.0	10.3	9.7%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
OCH	9.0	5.2	-10.0%
L43	2.7	13.1	-10.0%
MDC	8.4	16.3	-9.7%
VSM	10.3	1.0	-9.7%
SD4	4.7	6.5	-9.6%

#### Top 5 giá trị

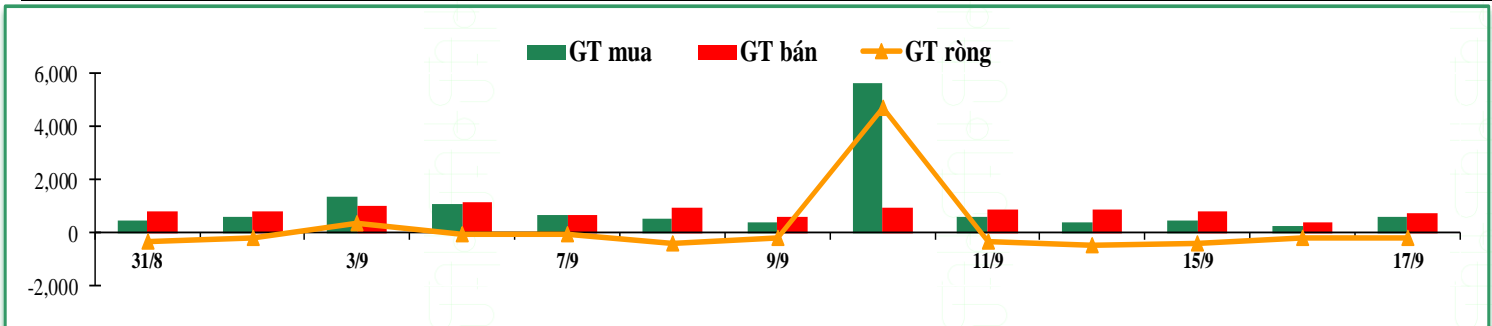
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.5	264.4	1.4%
PVS	12.8	55.4	-0.8%
SHB	14.4	46.8	0.7%
VCS	66.5	25.6	-0.9%
NVB	8.6	22.5	-1.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.5	12,323.9	1.4%
PVS	12.8	4,310.2	-0.8%
SHB	14.4	3,230.4	0.7%
MBG	5.6	3,088.5	1.8%
NVB	8.6	2,614.7	-1.2%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	587.0	10.0%	737.1	12.5%	-150.2
HNX	2.2	0.3%	25.0	3.6%	-22.8
<b>Tổng số</b>	<b>589.2</b>		<b>762.2</b>		<b>-172.9</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	21.3	107.1	-0.5%
HPG	25.4	104.8	2.8%
VCB	82.5	75.8	-0.5%
VIC	94.0	60.9	-1.6%
SSI	16.0	33.8	0.6%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	21.3	107.1	-0.5%
HPG	25.4	95.1	2.8%
VHM	76.7	78.1	-0.7%
VCB	82.5	51.8	-0.5%
BID	40.5	47.9	-0.1%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	94.0	48.8	-1.6%
SSI	16.0	25.5	0.6%
VCB	82.5	24.0	-0.5%
NT2	23.9	11.8	0.2%
HPG	25.4	9.7	2.8%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	11.1	0.6	0.0%
IDV	49.0	0.4	0.0%
WCS	199.0	0.3	0.5%
SRA	14.3	0.2	0.0%
SHS	11.8	0.1	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	14.4	16.0	0.7%
VCS	66.5	4.7	-0.9%
PVS	12.8	1.2	-0.8%
SD5	7.1	0.7	0.0%
SĐT	5.4	0.6	1.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
IDV	49.0	0.4	0.0%
WCS	199.0	0.3	0.5%
BVS	11.1	0.2	0.0%
SHS	11.8	0.1	0.0%
TMB	17.0	0.1	0.0%

## Tin trong nước

**Trái phiếu doanh nghiệp tháng 8: Tỷ lệ phát hành/số đợt đăng ký chưa đến 24%, tổng giá trị chào bán vào mức 38.399 tỷ đồng**

Ghi nhận, chênh lệch giữa số lượng đăng ký với số đợt chào bán thành công ngày càng tăng, cho thấy nhu cầu huy động từ kênh trái phiếu doanh nghiệp đang tăng mạnh.

Ghi nhận bởi Sở GDCK Hà Nội (HNX), tổng giá trị đăng ký trong tháng 8 lên đến 723 đợt, trong đó chỉ phát hành 172 đợt với giá trị hơn 38.399 tỷ đồng, trên tổng số 37 doanh nghiệp tham gia. So với tháng 8 năm ngoái, giá trị chào bán tăng 44%. Tuy nhiên, chênh lệch giữa số lượng đăng ký với số đợt chào bán thành công ngày càng tăng, cho thấy nhu cầu huy động từ kênh trái phiếu đang tăng mạnh.

Lũy kế 8 tháng đầu năm, số lượt đăng ký 2.064 đợt, tổng chào bán là 1.354 đợt với giá trị vào mức 238 tỷ đồng. Trong đó, bất động sản tiếp tục dẫn đầu quy mô với 11.670 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 30,39% toàn ngành. Tổ chức tín dụng xếp thứ hai với 26,14% - tổng giá trị vào mức 10.038 tỷ đồng.

Tiếp đà tăng nóng những năm gần đây do dòng tín dụng ngân hàng bị siết chặt, dịch Covid-19 bùng phát khiến huy động dòng vốn nhàn rỗi qua trái phiếu được đẩy mạnh. Khi mà, mặt bằng lãi suất ngân hàng được điều chỉnh giảm, tính đến hiện tại tương đối kém hấp dẫn so với mức chi trả lãi của kênh trái phiếu (trung bình ở mức 9-10%, thậm chí mảng bất động sản chào với con số có thể lên đến 15-18%/năm).

Mặc dù vậy, vẫn là kênh huy động mới trên thị trường, nhiều cảnh báo về rủi ro trái phiếu vẫn liên tục được đưa ra. Mới nhất, Nghị định 81/2020/NĐ-CP dự kiến có hiệu lực vào ngày 1/9 tới đây sẽ tiết chế sự tăng trưởng nóng với một số điều kiện hạn chế về phát hành.

**Nền kinh tế Internet Việt Nam sẽ đạt 43 tỷ USD vào năm 2025**

Báo cáo của Google, Temasek Holdings và Bain & Co., ước tính đến năm 2025, nền kinh tế internet khu vực Đông Nam Á sẽ đạt 300 tỷ USD. Trong đó, Việt Nam đạt 43 tỷ USD, xếp thứ 3 sau Indonesia và Thái Lan.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Imexpharm lãi trước thuế 145 tỷ đồng sau 8 tháng, tăng 28%**

Tháng 8, tổng doanh thu và thu nhập đạt của Dược phẩm Imexpharm (HoSE: IMP) đạt 106,7 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 20,7 tỷ đồng.

Tổng doanh thu và thu nhập lũy kế 8 tháng đạt 786,8 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ và đạt 45% kế hoạch năm. Doanh thu kênh ETC (kênh bệnh viện) vẫn tăng trưởng ở mức 69% và chiếm tỷ trọng 41% trong cơ cấu tổng doanh thu. Trong khi đó, kênh OTC (kênh nhà thuốc) giảm hơn 11%. Kênh OTC trong những năm gần đây không còn tăng trưởng nóng như giai đoạn từ 2011-2015, thêm vào đó là sự sụt giảm của tổng cầu do ảnh hưởng của dịch bệnh càng làm cho hoạt động kinh doanh ở kênh OTC gặp nhiều khó khăn.

Tổng lợi nhuận trước thuế của Imexpharm đạt 145 tỷ đồng, tăng 27,9% và tương đương 55,8% kế hoạch năm. Công ty cho biết lợi nhuận tăng trưởng nhờ tái cấu trúc lại doanh mục sản phẩm, tập trung vào các mặt hàng chủ lực có biên lợi nhuận cao. Bên cạnh đó, việc dự trữ nguyên liệu đầu vào từ đầu năm 2020 cũng góp phần giảm thiểu tác động của giá nguyên vật liệu tăng ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Ngoài ra, việc kiểm soát tốt chi phí cũng góp phần làm cho lợi nhuận tăng trưởng. Cụ thể là chi phí bán hàng trong 8 tháng đã giảm 13,2%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1%, giá vốn hàng bán chỉ tăng 3,3% thấp hơn mức 5,1% của doanh thu thuần.

Năm 2020, Imexpharm đặt kế hoạch tăng hơn 23% doanh thu lên 1.750 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng hơn 28% lên 260 tỷ đồng.

HĐQT Imexpharm quyết định phát hành gần 2,5 triệu cổ phiếu theo chương trình cho người lao động (ESOP), từ ngày 15/9 đến 10/10. Số lượng phát hành tương đương 5% vốn. Vốn điều lệ sẽ tăng lên gần 519 tỷ đồng sau phát hành.

### **UIC ước lợi nhuận 9 tháng đạt 49 tỷ đồng, giảm 11%**

Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico (HoSE: UIC) vừa công bố ước kết quả sản xuất kinh doanh quý III với tổng doanh thu và thu nhập khác hơn 659 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế thu về 13,9 tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ năm 2019.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, tổng doanh thu và thu nhập khác đạt gần 1.874 tỷ đồng, thực hiện 65% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 49 tỷ đồng, giảm hơn 11% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện được 75% kế hoạch năm.

Đặt mục tiêu cho quý IV, công ty đề ra doanh thu và thu nhập khác ở mức 704 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 16,3 tỷ đồng. Nếu đạt được, công ty sẽ hoàn thành được kế hoạch lợi nhuận năm 65 tỷ đồng đã đề ra.

---

Giữa tháng 7, UIC cũng thông báo sẽ thoái toàn bộ 237.100 cổ phiếu Đầu tư và Phát triển KCN Dầu khí Long Sơn (UPCoM: PXL) với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cp. Phương thức giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sàn chứng khoán.

---

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Chốt lời	18/09/20	28.3	27.2	4.0%	32	17.6%	26.6	-2.2%	Tín hiệu yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	BCC	Quan sát mua	18/09/20	8.1	9-9.5	Phiên breakout ngưỡng kháng cự sau nhịp rũ hàng + vol cao -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 7.9-8
2	BIC	Quan sát mua	18/09/20	20.25	22-22.5	Phiên breakout nền tích lũy kèm vol cao + MACD Hook -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 19.9-20.1
3	CVT	Quan sát mua	18/09/20	19.05	21-21.8	Phiên breakout nền tích lũy kèm vol cao + MACD cắt lên Signal -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 18.8-18.9
4	NTL	Quan sát mua	18/09/20	17.1	18.5-19	Nền bóng dưới dài cho tín hiệu test cung tích cực -> khả năng sớm break kháng cự MA200
5	PAC	Quan sát mua	18/09/20	23.7	28.5	Nền bóng dưới dài cho tín hiệu test cung tích cực -> cần tiếp tục tăng vượt kháng cự 25 để cho tín hiệu bước vào nhịp tăng mới

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.3	33.45	20.5%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	PPC	Mua	14/09/20	23.95	24.3	-1.4%	26	7.0%	23.5	-3%	
3	IMP	Mua	15/09/20	49.4	48.15	2.6%	54.4	13%	47.2	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



4	LIX	Mua	16/09/20	58.1	56.8	2.3%	60.9	7%	54.9	-3%
5	MWG	Mua	17/09/20	94.2	94.6	-0.4%	105	11%	90	-5%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 17/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,200	-7.0 %	-22%	436	90	73,200	108	(1,092)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,000	-3.9 %	51%	1,289	53	50,000	951	(10,049)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,860	0 %	24%	552	42	50,000	1,351	(509)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,680	0 %	-1%	3,229	36	50,000	1,326	(354)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,470	-3.3 %	-2%	8,282	119	50,000	667		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	660	-5.7 %	-39%	11,944	18	29,600	578	(82)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,600	-3.7 %	19%	6,654	21	29,600	2,472	(128)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,510	2.2 %	448%	6,718	14	25,400	6,422	(5,088)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2008	4,100	4,290	13.2 %	5%	55,209	74	25,400	83	(4,207)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,350	10.4 %	172%	16,911	42	25,400	1,489	(2,861)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,960	5.9 %	-2%	2,703	123	25,400	828	(5,132)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,570	9.4 %	10%	14,003	75	25,400	1,728	(5,842)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,270	8.2 %	1%	625	214	25,400	1,781	(5,489)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,550	6.7 %	-2%	9,737	165	25,400	1,264	(5,286)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,800	9.0 %	27%	11,893	119	25,400	242	(2,558)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,360	3.8 %	-32%	650	53	18,100	416	(944)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2005	2,000	390	0 %	-81%	1	39	18,100	0	(390)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,100	2.8 %	0%	12,507	42	18,100	829	(271)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,360	3.0 %	-3%	7,886	119	18,100	753		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	450	0 %	-80%	3,154	90	54,000	2	(448)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	540	25.6 %	-74%	4,873	42	54,000	0	(540)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,210	-4.0 %	-36%	12,404	119	54,000	310		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,310	-7.1 %	-14%	10,625	81	54,000	447	(863)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	2,760	-7.7 %	10%	19	14	94,200	1,162	(1,598)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	250	-16.7 %	-88%	1,524	39	94,200	0	(250)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	12,110	0.8 %	-6%	1,745	74	94,200	8,098	(4,012)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,000	-18.7 %	-23%	46,401	40	94,200	948	(52)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,730	-0.6 %	8%	31,209	36	94,200	1,556	(174)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,800	-2.2 %	29%	11,676	119	94,200	1,348		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	90	63,400	103	103	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,480	-2.0 %	24%	50	174	63,400	994	(1,486)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	230	-28.1 %	-90%	2,350	14	59,800	(0)	(230)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	120	0 %	-94%	104	39	59,800	0	(120)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	500	0 %	-50%	176	42	59,800	90	(410)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	830	-4.6 %	-17%	1,106	119	59,800	328		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,040	-3.8 %	22%	14,553	64	59,800	1,419	(621)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CREE2003	1,000	2,090	10.6 %	109%	6,042	42	39,900	2,001	(89)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,420	6.9 %	118%	5,879	36	39,900	3,496	76	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,310	11.6 %	78%	254	119	39,900	1,932		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	-5.9 %	-84%	1,998	90	2,170	(0)	(160)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	220	10.0 %	-92%	3,662	90	14,250	0	(220)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,190	0 %	-30%	9,305	90	11,450	255	(935)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	1,250	-3.1 %	-11%	17,574	74	11,450	644	(606)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	400	-7.0 %	-63%	12,136	47	11,450	45	(355)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2006	1,500	760	-6.2 %	-49%	7,622	200	11,450	226	(534)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	1,920	-5.4 %	28%	23,544	64	11,450	1,311	(609)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CTCB2003	2,000	250	-7.4 %	-88%	423	39	21,300	0	(250)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,590	2.6 %	-47%	1,607	74	21,300	333	(1,257)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,900	1.1 %	58%	25,862	42	21,300	1,681	(219)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,610	1.9 %	-5%	1,625	119	21,300	911		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	900	-9.1 %	-71%	100	90	76,700	3	(897)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,960	-1.8 %	-48%	6,128	74	76,700	2,161	(3,799)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,000	1.0 %	0%	6,257	42	76,700	695	(305)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	120	0 %	-92%	6,185	18	76,700	(0)	(120)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	890	-2.2 %	-36%	29,426	119	76,700	267		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	160	-15.8 %	-93%	805	90	105,900	0	(160)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	420	-8.7 %	-78%	1,200	42	105,900	0	(420)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	70	-12.5 %	-96%	5,643	18	105,900	(0)	(70)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	14,820	-1.1 %	-15%	118	74	124,500	7,770	(7,050)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,490	1.2 %	66%	20,007	42	124,500	2,186	(304)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	290	-17.1 %	-81%	13,530	18	124,500	0	(290)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	-	0 %	-100%	-	174	124,500	256	256	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,030	3.6 %	13%	3,537	119	124,500	1,246		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,250	0.5 %	24%	15,579	81	124,500	1,823	(427)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2006	3,400	1,470	-2.0 %	-57%	9,222	74	22,850	325	(1,145)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	920	-4.2 %	-46%	19,732	42	22,850	322	(598)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,630	-1.8 %	-9%	987	119	22,850	860		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	1,990	-0.5 %	22%	8,880	64	22,850	1,386	(604)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	390	14.7 %	-87%	24,399	90	28,300	0	(390)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,600	-9.4 %	-35%	4,359	74	28,300	1,107	(1,493)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,450	-8.2 %	32%	14,002	42	28,300	1,345	(105)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	620	-8.8 %	-59%	44,276	200	28,300	176	(444)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2008	1,200	1,220	-6.9 %	2%	19,385	119	28,300	743		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021
----------	-------	-------	--------	----	--------	-----	--------	-----	--	-----	-----	--------	---	------------

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">CTD</a> (New)	HOSE	73,200	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
<a href="#">DBD</a> (New)	HOSE	45,500	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a> (New)	HOSE	82,500	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a> (New)	HOSE	51,200	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a> (New)	HOSE	58,000	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	28,300	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	94,200	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	63,400	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,850	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	125,300	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	54,000	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	25,400	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	106,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	104,000	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	22,850	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	58,600	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,750	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	59,800	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	42,200	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Phu Hung Fund Management Joint Stock Company

5F, CR3-05B Building, 109 Ton Dat Tien, Tan Phu Ward, District 7,

Ho Chi Minh City

Phone: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phfm.vn](http://www.phfm.vn)